



TẠI SAO CHIẾN TRANH VẪN CÓ THỂ XẢY RA Ở CHÂU Á?

Nguồn: Hugh White (2008). “Why War in Asia Remains Thinkable”, *Survival: Global Politics and Strategy*, Vol. 50, No.6, pp. 85-104.

Biên dịch: Lương Thị Lan Anh | **Hiệu đính:** Lê Hồng Hiệp

Nếu như chúng ta quan niệm về chiến tranh giống như ông cha ta - rằng chiến tranh là những cuộc xung đột lớn giữa các cường quốc, cướp đi cuộc sống yên bình của hàng tỉ người và làm đảo lộn trật tự thế giới - thì chiến tranh dường như không còn có thể xảy ra ở châu Á. Hơn 30 năm qua, Đông Á tận hưởng nền hòa bình có lẽ chưa từng được biết đến trước đó. Trong khu vực Đông Bắc Á, các quốc gia hùng mạnh như Trung Quốc, Nhật Bản và Hoa Kỳ đang duy trì mối quan hệ hòa bình - hợp tác. Hơn thế nữa, ngoài những sự cố nhỏ tại quần đảo Trường Sa, không một cường quốc lớn nào ở Đông Á đã sử dụng vũ lực để chống lại các nước khác trong khu vực Châu Á kể từ sau chiến tranh biên giới Việt-Trung năm 1979. Trong 40 năm qua, các thành viên của ASEAN đã cam kết không dùng vũ lực để chống lại nhau; những vấn đề khó liên quan đến Đài Loan, Triều Tiên và quần đảo Trường Sa đã được quản lý hiệu quả, và những vấn đề gai góc của Đông Dương cũng đã được giải quyết. Các cuộc xung đột nhỏ lẻ vẫn còn có thể xảy ra ở những điểm nóng như biên giới Thái Lan- Myanmar. Rủi ro thực sự vẫn còn xuất hiện ở khu vực vành đai Tây Á, trong đó có nguy cơ về chiến tranh lớn, thậm chí là chiến tranh hạt nhân giữa Ấn Độ và Pakistan. Tuy nhiên, nguy cơ chiến tranh giữa Ấn Độ và Pakistan chưa đủ mạnh để châm ngòi cho một cuộc chiến lớn nổ ra ở Đông Á.

Trong khi đó, hầu hết các nước trong khu vực đều đang tận hưởng những phát triển đáng kể về chính trị và xã hội khi các chế độ chuyên chế (trừ một số ngoại lệ) từ Indonesia cho tới Hàn Quốc đã ít nhiều chuyển sang chế độ dân chủ trong hòa bình. Đáng lưu ý nhất là nền kinh tế trên khắp Đông Á đã và đang tăng trưởng với tốc độ ngoạn mục, tiến tới đưa Trung Quốc trở thành cường quốc kinh tế toàn cầu. Nền kinh tế Châu Á hiện đã hội nhập

toàn diện với dòng chảy ngày càng nhanh của hàng hóa, dịch vụ, đầu tư và nguồn nhân lực từ đất nước này tới đất nước khác. Kết quả là những hợp tác về chính trị, hội nhập về kinh tế đã thúc đẩy thành lập các thể chế khu vực, như Diễn đàn Hợp tác Kinh tế Châu Á Thái Bình Dương (APEC), ASEAN+3 (gồm ASEAN, Nhật Bản, Trung Quốc và Hàn Quốc) và Hội nghị Cấp cao Đông Á (EAS). Những tổ chức này dù còn khá khiêm tốn so với các tổ chức ở Châu Âu, chí ít cũng là một khởi đầu cho việc xây dựng các thể chế có khả năng quản lý các vấn đề khu vực trong những thập niên tới. Như vậy, người ta rất khó hình dung ra một cuộc “chiến tranh” theo nghĩa truyền thống lại có thể xảy ra ở một Châu Á như hiện nay.

Thế nhưng, nếu trật tự ở Đông Á khiến người ta nghĩ rằng chiến tranh không thể xảy ra *hiện nay* thì câu hỏi liệu chiến tranh có xảy ra ở Châu Á *trong tương lai* hay không còn phụ thuộc vào câu trả lời đối với câu hỏi phần nào sâu xa hơn: Liệu Châu Á có khả năng duy trì trật tự mà nó đã có trong suốt những thập niên qua hay không? Nếu như khả năng đó xảy ra, tương lai của Châu Á sẽ được đảm bảo và tầm nhìn về một nền hòa bình vĩnh cửu của Immanuel Kantsẽ được thực hiện sau một chặng đường dài.¹ Nếu không, một cuộc chiến tranh lớn giữa các cường quốc không những vẫn có thể xảy ra mà thậm chí còn có thể xảy ra với xác suất cao.

Việc người ta có lạc quan cho rằng trật tự trong những thập niên gần đây sẽ được giữ nguyên, hay bi quan rằng nó sẽ sụp đổ, phụ thuộc một phần vào những lý giải của họ về nền hòa bình trong những thập niên vừa qua. Rất nhiều người tin rằng nền hòa bình của Châu Á là một sản phẩm của sức mạnh không gì có thể phá vỡ được của lịch sử, điều làm xoay chuyển hình thái xã hội thế giới từ một thế giới do các quốc gia- dân tộc thống trị sang một hệ thống mà ở đó các chủ thể phi nhà nước đóng vai trò quan trọng nhất và cũng tạo ra những mối đe dọa đáng lo ngại nhất.² Trong trật tự thế giới mới này, nguy cơ xảy ra những cuộc xung đột truyền thống lớn dường như luôn có chiều hướng giảm đi. Cách nhìn nhận này có xu hướng lạc quan về lịch sử, thậm chí mang chút ít hơi hướng của chủ nghĩa Mác, với niềm tin vào tiến trình lịch sử không gì có thể lay chuyển được. Những người ủng hộ quan điểm này có xu hướng coi trật tự hòa bình của Châu Á là một thực tế bền vững, họ tin rằng các cá nhân thậm chí các nhà nước lớn chỉ có rất ít hoặc không có quyền điều khiển tiến trình lịch sử vốn đã sản sinh ra chính trật tự đó. Họ tin rằng trật tự hòa bình đó sẽ tồn tại lâu bền, bất chấp những hành động của các cá nhân hay chính sách của các quốc gia.

Quan điểm bi quan hơn có bản chất bảo thủ theo lối truyền thống. Phe ủng hộ quan điểm này cho rằng không hề có bất kỳ sự chuyển đổi căn bản nào trong xã hội quốc tế, họ cho rằng nền hòa bình trong các thập niên qua của Châu Á được tạo ra bởi sự may mắn và bởi chính sự kết hợp ngẫu nhiên, tình cờ và có thể không bền vững của một chuỗi các sự kiện và hoàn cảnh khác nhau. Nói cách khác, họ tin rằng nó là sản phẩm của sự may mắn, được hỗ trợ bởi những quyết định đúng đắn của các lãnh đạo nhà nước. Họ thừa nhận khả năng rằng những rủi ro và những quyết định thiếu khôn ngoan có thể làm đảo lộn vận may kia và phá hủy nền hòa bình. Do đó, họ không cho rằng nền hòa bình ở Châu Á sẽ kéo dài

mãi mãi; trái lại, họ tin là nếu không có sự cố gắng, những quyết định khôn ngoan và sự may mắn thì nền hòa bình đó có thể sẽ biến mất.

Công bằng mà nói, quan điểm thứ hai có lẽ có sức thuyết phục hơn. Có nhiều chứng cứ chứng minh càng ngày càng khó để duy trì trật tự đã thúc đẩy nền hòa bình ở Châu Á trong những thập niên gần đây. Tăng trưởng kinh tế đang dần làm xói mòn các nền tảng của trật tự khu vực và công cuộc xây dựng một trật tự mới phản ánh thực trạng kinh tế trong thế kỷ Châu Á còn chưa được bắt đầu. Một khi nó được bắt đầu, người ta sẽ nhận thấy rõ ràng việc xây dựng một trật tự ổn định mới ở Châu Á còn đòi hỏi những nhượng bộ đáng kể từ các cường quốc trong khu vực. Khó có thể thấy các quốc gia này sẽ sẵn sàng và có thể nhượng bộ như vậy, và chắc chắn họ sẽ không chịu nhún mình trừ khi hoặc cho đến lúc họ hiểu rõ về các rủi ro [nếu một trật tự mới như vậy không được thiết lập]. Nếu họ không sẵn lòng thay đổi cách suy nghĩ về trật tự ở châu Á và vị trí của họ ở trong trật tự này thì một cuộc chiến tranh khủng khiếp và mang tính hệ thống trở nên hoàn toàn có thể xảy ra.

Trên thực tế, có hai thử thách đặt ra cho Châu Á. Thử thách đầu tiên là nhận thức và xây dựng một trật tự mới ở Châu Á có khả năng mang lại nền hòa bình và ổn định như những gì trật tự hiện tại đã tạo ra cho châu lục này trong 35 năm qua. Thử thách thứ hai là đạt được trật tự mới đó trong hòa bình. Để chinh phục hai thử thách này, các cường quốc Châu Á cần chấp nhận những sự thực sau:

- Nền hòa bình họ đang tìm kiếm phụ thuộc vào mối quan hệ của các quốc gia trong khu vực, đặc biệt là cách họ nhận thức về mối quan hệ quyền lực và cách thức điều chỉnh mối quan hệ đó.
- Những mối quan hệ này không thể để phó mặc vào sự may rủi mà cần được thiết kế và xây dựng bằng từng bước đi có chủ định nếu muốn chúng được tạo ra nhằm xây dựng một trật tự hòa bình, ổn định và lâu dài;
- Điều này sẽ không xảy ra trừ khi tất cả các cường quốc trong khu vực đều đặt nó lên ưu tiên hàng đầu;
- Việc xây dựng trật tự này yêu cầu các cường quốc lớn phải chia sẻ và duy trì sự thừa nhận rằng bảo vệ hòa bình quốc tế là điều quan trọng hơn bất kỳ mục tiêu quốc gia nào. Điều hiển nhiên là chỉ những quốc gia nhận thấy chiến tranh là mối nguy hiểm hiển hiện và rõ ràng mới sẵn sàng hy sinh lợi ích quốc gia để bảo vệ nền hòa bình thế giới.

Thỏa thuận “đảm bảo kép”

Để hiểu rõ rủi ro đối với trật tự Châu Á ngày nay, chúng ta cần xem xét trật tự đó đã hình thành và phát triển như thế nào trong suốt quá trình 10 năm từ 1965 đến 1975. Trong thập niên đó, hầu hết những căng thẳng và bấp bênh đe dọa tới Đông Á và Đông Nam Á khoảng 20 năm đầu sau Chiến tranh thế giới lần thứ hai đã được giải quyết ổn thỏa. Ở khu vực Đông

Nam Á, sự ra đi của Tổng thống Sukarno và việc Tổng thống Suharto lên nắm quyền đã chuyển Indonesia từ một cường quốc xét lại [*revisionist power – cường quốc muốn thay đổi trật tự hiện hữu - NHD*] sang một cường quốc nguyên trạng [*status quo power – cường quốc muốn giữ trật tự hiện hữu - NHD*]. Nguy cơ quốc gia lớn nhất Đông Nam Á rơi vào tay chủ nghĩa cộng sản đã dịu xuống và Indonesia đã trở thành một thành trì kiên cố của trật tự khu vực. Cuộc chuyển đổi của Indonesia đã dẫn tới sự thành lập của ASEAN, từ đó đặt nền móng cho sự xuất hiện của một trật tự tiểu khu vực ổn định, hợp tác và hòa bình ở Đông Nam Á. Dưới trật tự này, tất cả các mặt chính trị, kinh tế và xã hội đều phát triển hưng thịnh. Thành tựu của Đông Nam Á cũng có nghĩa rằng thất bại của Mỹ trong chiến tranh Việt Nam nhằm chống lại sự lan tràn của chủ nghĩa cộng sản ở Đông Dương đã không mang lại hậu quả chiến lược lâu dài nào. Cho đến năm 1975, dây cờ domino đã quá vững chắc không thể sụp đổ, và chính các nước Đông Dương sau một thập niên bị kịch khác cuối cùng cũng đã gia nhập ASEAN.

Mọi yếu tố này đều rất quan trọng, nhưng chính các điều kiện ở giai đoạn kết thúc cuộc chiến tranh Việt Nam đã có vai trò lớn nhất trong việc tạo nên trật tự hiện đại cho Đông Nam Á. Nền tảng chủ chốt của trật tự đó chính là sự thành lập các mối quan hệ giữa Mỹ, Trung Quốc và Nhật Bản trong những năm 1970 được khởi đầu và tượng trưng bởi chuyến thăm của Tổng thống Richard Nixon tới Bắc Kinh năm 1972. Kể từ đó, Mỹ đã có mối quan hệ tốt với cả Trung Quốc lẫn Nhật Bản, còn giữa Trung Quốc và Nhật Bản cũng tồn tại một mối quan hệ ổn định. Nguy cơ về một cuộc cạnh tranh chiến lược gay gắt, chưa nói tới chiến tranh, giữa các cường quốc lớn nhất Châu Á do đó đã được đẩy lùi. Có lẽ cơ chế mà nhờ đó trật tự trên được duy trì có thể được gọi là cơ chế “đảm bảo kép”, trong đó Mỹ bảo đảm cho an ninh của Nhật Bản trước Trung Quốc và ngược lại, đảm bảo Trung Quốc cũng sẽ an toàn trước Nhật Bản.

Quy đạo phát triển của Trung Quốc chính là trọng tâm của câu chuyện này. Sau hàng thế kỷ của loạn lạc và hàng thập niên nội chiến, Đảng Cộng sản Trung Quốc cuối cùng cũng tái thành lập một chính quyền trung ương vững mạnh năm 1949. Đây là thành tựu đáng ghi nhận nhưng chính quyền mới cũng tồn tại hai điểm yếu. Thứ nhất, ý thức hệ chính trị của chủ nghĩa cộng sản đã khiến cho Bắc Kinh phải thách thức trật tự chiến lược do phương Tây chi phối ở Châu Á, kéo theo đó là cuộc cạnh tranh lâu dài với Mỹ về chính trị, tư tưởng và chiến lược. Thứ hai, tư tưởng của chủ nghĩa cộng sản đã thúc đẩy Trung Quốc xây dựng một nền kinh tế chỉ huy. Trong những thập niên đầu ngay sau khi Cách mạng Trung Quốc thành công, các khuynh hướng được cheo lái bởi hệ tư tưởng này đã ngăn cản Trung Quốc tận dụng tối đa những cơ hội mang lại bởi việc tái thành lập một chính quyền trung ương vững mạnh để phục hồi vị trí truyền thống của mình trên đỉnh của tháp quyền lực Châu Á. Vào cuối những năm 1960, Trung Quốc bắt đầu từ bỏ tư tưởng chống phương Tây, và tới cuối những năm 1970, nước này cũng kết thúc nền kinh tế chỉ huy. Từ đó trở đi, Trung Quốc ngày một thịnh vượng.

Người ta cho rằng, chính quyết định của Trung Quốc về việc chấp nhận và thích ứng với trật tự do Mỹ lãnh đạo ở Đông Á đã mang lại những thập niên hòa bình cho Châu Á. Đây là một bước tiến lớn đòi hỏi Trung Quốc phải từ bỏ những mục tiêu về tư tưởng và chính trị đã đặt ra trước đó. Bắc Kinh buộc phải thực hiện bước đi này do bị thúc đẩy cạnh tranh chiến lược với Liên Xô, đồng thời công nhận rằng cơ hội xây dựng một kỉ nguyên mới của Châu Á trong đó Trung Quốc nắm vai trò lãnh đạo dựa trên hệ tư tưởng cộng sản đã trôi qua khi các nước nhỏ hơn ở Châu Á ngày càng thành công và cam kết mạnh mẽ hơn đối với các mô hình kinh tế- chính trị theo kiểu phương Tây. Trung Quốc có lẽ lo ngại rằng sự phục hồi kinh tế của Nhật Bản đã đạt tới điểm cho phép nước này có khả năng đặt ra một thách thức chiến lược trực tiếp của riêng mình, đồng nghĩa với việc Bắc Kinh không thể tự động thống trị Châu Á nếu Mỹ rút lui. Sẽ là hợp lý hơn nếu Trung Quốc biết tự điều chỉnh cho phù hợp với thực tế sức mạnh của Mỹ, ít nhất là trong ngắn hạn.

Về phía Nhật Bản, các tính toán có điểm khác biệt hơn. Khi gánh nặng Việt Nam bắt đầu gây ra những thiệt hại nặng nề cho Mỹ, người ta càng ngày càng nghi ngờ về sự sẵn lòng và khả năng của Mỹ trong việc duy trì một vị trí đủ vững chắc trong khu vực Châu Á để đảm bảo cho an ninh của Nhật Bản như Mỹ đã từng làm từ năm 1945. Những mối nghi ngờ này lớn dần lên khi Nixon tuyên bố Học thuyết Guam năm 1969. Khả năng Nhật Bản tự đảm nhận trách nhiệm cho an ninh của mình đã đặt ra những thách thức về chính sách đối ngoại đáng lo ngại cũng như những xáo trộn trong nước, đồng thời mang lại những hệ quả nghiêm trọng về tài chính. Thêm vào đó, một số người Nhật lo ngại rằng nếu Bắc Kinh trở nên thỏa hiệp hơn, Mỹ sẽ trở nên thân thiết hơn với phía Trung Quốc thay vì Nhật Bản. Đối với Tokyo, mục đích là duy trì sự can dự chiến lược của Mỹ cũng như vai trò đồng minh chính của Nhật với nước này ở Châu Á. Nhưng để làm được điều đó, Nhật phải mãi mãi gác lại hy vọng đóng một vai trò bình thường hơn trong các vấn đề quốc tế, đồng thời chấp nhận những hạn chế nghiêm trọng đối với tự do hành động của mình.

Đối với Washington, thỏa thuận “đảm bảo kép” yêu cầu một sự nhượng bộ lớn về chính trị, đó là chấp nhận tính chính đáng của chế độ cộng sản ở Trung Quốc. Quyết định nhượng bộ của Washington có cả khía cạnh khu vực lẫn thế giới. Về mặt khu vực, một sự thỏa hiệp với Trung Quốc sẽ kết thúc ý định tạo dựng một trật tự chống Phương Tây ở Châu Á của Bắc Kinh, tạo điều kiện cho Washington rút khỏi Việt Nam mà không phải chịu các hậu quả “địa chiến lược” mà ngay từ đầu sự can thiệp của Mỹ muốn ngăn chặn. Về mặt quốc tế, thỏa thuận này củng cố vị trí của Mỹ ở Châu Á khi đối diện với Liên Xô, và thực tế đã chấm dứt nguy cơ Liên Xô có thể thách thức nghiêm trọng sự tập trung quyền lực của Mỹ ở khu vực Đông Bắc Á. Từ đó trở đi, trọng tâm của Chiến tranh Lạnh đã dịch chuyển về phía Tây.

Thỏa thuận đó thực tế đã mang lại cho Mỹ nhiều thứ hơn so với những gì mà cha đẻ của nó là Tổng Thống Nixon và Henry Kissinger đã kỳ vọng. Mục tiêu đầu tiên của họ chủ yếu mang tính phòng thủ: họ muốn tạo dựng một vị thế có khả năng loại bỏ tất cả các cơ hội

tiến tới vị trí thống trị Đông Á của Moscow, hòng thực hiện mục tiêu chiến lược kinh điển của Mỹ là ngăn chặn sự nổi lên của bất kỳ cường quốc thống trị nào ở cả hai mặt trận Châu Âu và Đông Á.³ Mọi việc đều diễn ra suôn sẻ, thỏa thuận “đảm bảo kép” với Nhật và Trung Quốc đã giúp giữ vững vị thế của Mỹ ở Châu Á, thậm chí cả sau khi chiến tranh Việt Nam kết thúc, và chưa đến 2 thập niên sau đó nhà nước Xô Viết sụp đổ, Mỹ được thừa hưởng một vị thế ưu việt không bị ai thách thức ở một khu vực đang phát triển nhanh chóng nhất thế giới. Do vậy, Mỹ thua trong chiến tranh nhưng lại thắng trong hòa bình. Đây chắc chắn không phải những gì giới quan sát mong đợi tại thời điểm đó: trong những năm cuối thập kỷ 1960 – đầu thập kỷ 1970, phần lớn các chuyên gia tin rằng Châu Á đang chuyển sang một trật tự khu vực mới mà ở đó quyền lực và ảnh hưởng của Mỹ không còn mạnh như trước, cho phép một số các cường quốc khác nhau cùng chung sống trong một trạng thái cân bằng quyền lực kinh điển.⁴

Một trật tự đang chịu sức ép

Nguy cơ về một Châu Á bất ổn và kém phần vinh hơn so với những thập niên sau chiến tranh Việt Nam ngày càng tăng do trật tự hậu chiến tranh Việt Nam đang tồn tại dưới một áp lực gây ra bởi chính thành công của khu vực này. Hòa bình và hợp tác đã thúc đẩy phát triển kinh tế, thế nhưng chính sự phát triển đó đã ngấm ngấm làm xói mòn các nền tảng của trật tự đã nuôi dưỡng nó. Các nước đạt được nhận thức chung về cách thức họ nên tương tác với nhau như thế nào phụ thuộc vào cách họ tự đánh giá sức mạnh của mình trong mối quan hệ với các nước khác. Khi tương quan quyền lực thay đổi, nhận thức mà họ đã có cuối cùng cũng phải thay đổi theo. Một trong những thành công của trật tự hậu chiến tranh Việt Nam là việc nó đã tồn tại khá lâu bất chấp nhiều thay đổi lớn, đặc biệt là về tương quan sức mạnh kinh tế. Thế nhưng, sẽ là một sai lầm nghiêm trọng nếu cho rằng vì trật tự đó đã tồn tại cho đến ngày nay, nó chắc chắn sẽ tiếp tục tồn tại bất chấp áp lực ngày càng dâng cao.

Ở Châu Á ngày nay, lực lượng chính thúc đẩy thay đổi trật tự quốc tế chính là sự phát triển kinh tế của Trung Quốc. Sức mạnh kinh tế của Trung Quốc đã thay đổi đáng kể từ năm 1972 khi Nixon đến Bắc Kinh và các nền tảng trật tự hậu chiến tranh Việt Nam được gây dựng không chỉ bằng so sánh số liệu GDP đơn thuần mà còn về cả vị thế của Trung Quốc như một nước cho vay và vai trò cỗ máy tăng trưởng toàn cầu của nền kinh tế nước này. Nếu Trung Quốc không ngừng phát triển mạnh mẽ, những thay đổi tích tụ trong tương quan quyền lực sẽ làm xói mòn dần trật tự hậu chiến tranh Việt Nam. Để giữ vững hòa bình, một trật tự mới cần được xây dựng. Trật tự này phải phản ánh môi trường quan quyền lực mới và phù hợp với lợi ích và quan tâm cốt lõi của các cường quốc chính. Nếu trật tự mới không được xây dựng, không gì có thể đảm bảo cho nền hòa bình bền vững.

Các nhà hiện thực tân công của trường phái Mearsheimer đã theo quan điểm định mệnh lịch sử rằng tất cả các cường quốc đang lên đã kích động các cuộc chiến tranh mang

tính hệ thống khi những thách thức của họ đối với trật tự hiện hành bị chống lại bởi các cường quốc đã phát triển.⁵ Do đó, trong cách nhìn của họ, chiến tranh giữa Mỹ và Trung Quốc là điều không thể tránh khỏi. Đây có vẻ là những quan điểm quá bi quan. Tất cả các cường quốc lớn ở khu vực Châu Á bao gồm cả Trung Quốc và Mỹ đều có lợi ích trong việc bảo vệ hòa bình. Điều này rất rõ ràng vì hòa bình là thiết yếu đối với tăng trưởng kinh tế toàn cầu. Tuy nhiên, chúng ta cần phải cẩn trọng không mắc phải sai lầm ngược lại là tin rằng sự phụ thuộc lẫn nhau về kinh tế và sự tư lợi một cách sáng suốt sẽ làm chiến tranh không thể xảy ra. Trong vòng 200 năm qua, ảo tưởng này đã khiến cho người ta lầm tưởng rằng không cần thiết phải thiết lập các chính sách để ngăn cản chiến tranh. Những người có suy nghĩ lạc quan ngày nay vốn tin rằng toàn cầu hóa đã khiến chiến tranh trở nên lỗi thời là những người mới nhất trong danh sách những người đánh giá quá thấp khả năng của loài người trong việc đưa ra những chọn lựa đi ngược lại chính những lợi ích tốt nhất của mình.

Trọng tâm của vấn đề là sự tồn tại đồng thời không thể tránh khỏi nhưng không ai ngờ tới giữa chủ nghĩa dân tộc và toàn cầu hóa. Trong lý thuyết, các thuộc tính quốc gia trở nên kém quan trọng hơn khi toàn cầu hóa thay đổi cuộc sống con người, làm cho các quốc gia giảm sút quyền lực, ảnh hưởng và không còn hành xử như trước đây nữa. Nhưng trong thực tế mọi chuyện lại xảy ra ngược lại. Khi các quốc gia như Trung Quốc và Ấn Độ phát triển mạnh hơn nhờ vào toàn cầu hóa, họ lại ứng xử giống với các nhà nước truyền thống hơn, và khi tất cả mọi người trên thế giới sống trong môi liên kết toàn cầu, các nước này đã không giảm mà thậm chí còn gia tăng việc gắn mọi thứ với nguồn gốc quốc gia của họ hơn. Không những không khiến cho hình thái quốc gia – dân tộc trở nên lu mờ đi, toàn cầu hóa dường như đang tạo nên một thế giới được cấu thành bởi nhiều các cường quốc mạnh hơn so với trước đây.⁶

Chắc chắn điều này đang xảy ra ở Châu Á, nhưng không chỉ do Trung Quốc. Ấn Độ, Nhật Bản và có lẽ trong tương lai có cả Nga, Hàn Quốc và Indonesia, tất cả sẽ giành vị thế cường quốc trong vài thập niên tới. Thực tế, chúng ta dường như đang tiến tới một trật tự đa cực ở Châu Á mà một số chuyên gia đã dự đoán (vội vàng) từ những năm 1960. Lúc đó trật tự đó đã không xảy ra, và người ta có lẽ sẽ hỏi tại sao hiện tại lại là thời điểm thích hợp. Trong những năm 1960, các mối tương quan quyền lực thay đổi ít hơn nhiều so với ngày nay, đặc biệt là tương quan quyền lực về kinh tế (có lẽ mối tương quan này còn thay đổi ít hơn nhiều nếu so với các thập niên sắp tới).

Các mô hình cho một trật tự mới

Tình trạng trên làm dấy lên một câu hỏi: loại hình hệ thống quốc tế mới nào có thể thay thế cho trật tự hậu chiến tranh Việt Nam trong một khu vực Châu Á ngày càng đa cực? Những mô hình này thường rất hiếm (thế giới đã chứng kiến tương đối ít ví dụ các hệ thống quốc tế bao gồm nhiều quốc gia-dân tộc hùng mạnh cùng lúc), và những mô hình đã thực sự tồn tại

đều đến từ lịch sử Châu Âu. Thật không khôn ngoan chút nào khi lấy các tiền lệ của Châu Âu để giải quyết các vấn đề Châu Á, nhưng dường như không có cách nào tốt hơn để phác họa các vấn đề tương lai của Châu Á bằng cách dựa vào quá khứ của Châu Âu. Cách này đã được áp dụng nhiều lần trước đây (có lẽ nổi bật nhất là Aaron Friedberg trong bài luận của ông có tên “*Will Europe’s Past be Asia’s Future?*” [*Liệu quá khứ của Châu Âu có là tương lai của Châu Á?*]).⁷ Tuy nhiên những phân tích này thường chỉ giới hạn trong một phần lịch sử của Châu Âu. Lịch sử Châu Âu có ít nhất 4 mô hình mẫu cho trật tự Châu Á trong tương lai.

Đầu tiên, đó là mô hình của đế chế La Mã từ thế kỷ thứ nhất sau công nguyên. Đây có lẽ cũng là mô hình Washington muốn lựa chọn. Đã có rất nhiều bài viết gần đây so sánh nước Mỹ hiện đại với đế quốc La Mã thời kỳ đang ở đỉnh cao phát triển. Hầu hết người ta không thể xem xét nghiêm túc những ý tưởng này, nhưng ý nghĩ cho rằng Mỹ có thể duy trì vô thời hạn - hoặc chí ít trong vài thập niên tới - vị trí bá chủ của mình ở Châu Á đã ăn sâu vào tư duy chính trị Mỹ. Ý tưởng về mô hình này cũng nhận được sự đồng thuận từ phía Tây Thái Bình Dương, nhiều người ở Nhật Bản, Đông Nam Á và Australia tin tưởng đây là mô hình hấp dẫn cho tương lai Châu Á, hay ít nhất đó cũng là sự lựa chọn thích hợp nhất trong các lựa chọn khác nhau. Nhưng liệu nó có đáng tin? Mô hình này hàm ý rằng trật tự Châu Á không cần phải thay đổi khi quyền lực của Trung Quốc và các quốc gia Châu Á khác đã tăng lên tương đối so với Mỹ. Để tin được điều này, người ta phải tin rằng hoặc nền kinh tế Trung Quốc vì lý do nào đó sẽ tiếp tục nhỏ hơn đáng kể so với nền kinh tế Mỹ, hoặc Trung Quốc sẽ tiếp tục chấp nhận vai trò lãnh đạo về chiến lược và chính trị của Mỹ ngay cả sau khi Trung Quốc đã ngang tầm, thậm chí là vượt qua Mỹ về quân sự và quyền lực. Điều này không phải là không thể xảy ra, tuy nhiên xác suất là thấp, và do đó không phải là một cơ sở đáng tin cậy cho việc xây dựng chính sách tương lai.

Mô hình thứ hai có thể áp dụng cho tương lai Châu Á là mô hình hậu quốc gia, hậu chiến lược và hội nhập sâu của Châu Âu trong thế kỷ 21, đó chính là Liên minh Châu Âu, nơi việc sử dụng vũ lực trong các vấn đề quốc tế đã bị xóa bỏ ngay cả giữa những kẻ thù lâu đời, ít nhất là trong khu vực Tây Âu. Chúng ta có thể hy vọng rằng trật tự này là tương lai của Châu Á, nhưng thực tế cho thấy tương lai đó còn rất xa vời. Theo đánh giá từ kinh nghiệm của Châu Âu, việc xây dựng một trật tự hậu chiến lược yêu cầu một bề dày truyền thống về hợp tác chính trị để thấy được những gì là khả thi, một cuộc xung đột quyết liệt trong lịch sử gần đây để biết được những điều gì phải tránh, và sự hiện diện một mối nguy hiểm rình rập để thúc đẩy sự thỏa hiệp. Có lẽ chỉ có đầy đủ các điều kiện trên mới cho phép Pháp và Đức hợp tác cùng nhau như những gì họ đã làm trong những thập niên gần đây. Thế nhưng chúng ta không nên giả định rằng Nhật Bản và Trung Quốc sẽ có thể làm được như vậy trong tương lai gần.

Mô hình thứ 3 chính là trật tự Châu Âu trong thế kỷ 19: Một Châu Âu của sự “hòa hợp quyền lực” [concert of powers]. Bản chất của hệ thống hòa hợp quyền lực này chính là

sự tồn tại từ năm 1815 đến năm 1914 một trật tự hình thành bởi các mối quan hệ giữa các cường quốc, những quốc gia dù thường xuyên cạnh tranh cao độ nhưng đã thiết lập nên những nhận thức rõ ràng về các giới hạn đối với sự cạnh tranh đó. Những nhận thức này bao gồm sự tôn trọng tính chính danh của các thể chế chính trị, các lợi ích quốc gia và lực lượng quân đội của tất cả các cường quốc khác, cũng như sự đồng thuận rằng không để một cuộc chiến tranh toàn lực xảy ra giữa các nước này là điều quan trọng hơn cả. Nhìn lại vấn đề, những người trong cuộc hiểu rõ rằng sự “hòa hợp quyền lực” đó không hòa bình như vẻ bề ngoài, nhưng đó vẫn là một thành tựu đáng kể, bởi dưới hệ thống đó quyền lực kinh tế, ảnh hưởng toàn cầu, các thể chế chính trị và phúc lợi xã hội của Châu Âu đã gia tăng đáng kể.

Cuối cùng, mô hình thứ tư chính là hệ thống cân bằng quyền lực đã định hình nên các quan hệ chiến lược của Châu Âu trong suốt lịch sử hiện đại của nó, xuyên suốt thế kỷ 16, 17, 18 và thế kỷ 20. Hệ thống cân bằng quyền lực này đã hoạt động hiệu quả trong quá trình bảo vệ lợi ích của hầu hết các quốc gia bên trong nó bằng cách không cho phép một cường quốc đơn lẻ nào đạt được vị thế bá quyền. Khi đã được quản lý chặt chẽ, hệ thống này có thể giúp duy trì hòa bình, nhưng các quốc gia phải trả giá bằng sự cạnh tranh không ngừng về mặt chiến lược và các cuộc chiến tranh mang tính hệ thống đẫm máu thi thoảng diễn ra. Chắc chắn các cuộc chiến tranh cũng sẽ đẫm máu như vậy nếu xảy ra giữa các cường quốc sở hữu vũ khí hạt nhân.⁸ Lịch sử Châu Âu cho thấy đây là tiền đề mặc định cho một trật tự đa cực, và đó là trật tự mà chúng ta sẽ nhiều khả năng chứng kiến nhất ở Châu Á khi trật tự hậu chiến tranh Việt Nam sụp đổ. Nếu chúng ta đang đi theo hướng đó, một trật tự mới sẽ nổi lên và một cuộc chiến tranh lớn sẽ có nhiều khả năng xảy ra hơn.

Đi sai đường

Một số người có thể nói đây là những vấn đề dành cho các thế hệ sau vì những thay đổi đe dọa chấm dứt trật tự hiện tại của Châu Á đang diễn ra rất chậm và sẽ chỉ có tác dụng sau rất nhiều năm. Dù sự thật là cái mốc để GDP của Trung Quốc và sau đó là Ấn Độ vượt qua GDP của Mỹ còn ở rất xa trong hàng thập niên tới, nhưng sự tương quan lực lượng đang thay đổi có thể làm đảo lộn các trật tự khu vực không phải khi cột mốc đó đã được hiện thực hóa, mà ngay từ khi chúng bắt đầu xuất hiện trong tầm mắt. Và cột mốc này đã xuất hiện trong tầm mắt ở Châu Á: Trật tự hậu chiến tranh Việt Nam dựa trên đảm bảo kép của Mỹ với Trung Quốc và Nhật Bản đang dần sụp đổ, đồng thời một trật tự gắn mác của một hệ thống cân bằng quyền lực đã sẵn sàng nổi lên.

Ngay cả hiện tại, Mỹ coi Trung Quốc như một đối thủ cạnh tranh chiến lược. Sự công nhận về việc tại một thời điểm nào đó trong tương lai, Trung Quốc *có thể* thách thức vị thế bá chủ của Mỹ ở Châu Á đã nổi lên ngay sau khi Chiến tranh Lạnh kết thúc. Nhưng cho tới gần đây, điều này vẫn còn mơ hồ, trừu tượng và rất ít người tự tin khẳng định rằng cuộc tranh giành này đã đang diễn ra. Một vài năm nay điều này đã thay đổi: quy mô thành tựu

kinh tế của Trung Quốc, ảnh hưởng về ngoại giao và chính trị gia tăng của quốc gia này, cũng như nhận thức rằng lực lượng vũ trang của Trung Quốc có thể tạo ra những phí tổn và rủi ro gia tăng đối với hoạt động quân sự Mỹ ở Tây Thái Bình Dương, tất cả đều có nghĩa là các nhà hoạch định chính sách Mỹ ngày càng coi Trung Quốc như một đối thủ cạnh tranh chiến lược thật sự và hiện hữu.

Sự đáp trả của Washington đang hình thành: Mỹ đang hoạt động tích cực để mở rộng lực lượng không quân và hải quân nhằm đối phó với sự tăng cường hoạt động trên biển của Trung Quốc, tăng cường triển khai quân đội ở khu vực Tây Thái Bình Dương, phát triển quan hệ chiến lược với Ấn Độ như một đối trọng với Trung Quốc, và tạo ra một liên hiệp các đồng minh để chống lại thách thức của Trung Quốc với vị thế bá chủ của Mỹ. Chúng ta đã có thể thấy rất rõ sự sụp đổ của hệ thống đảm bảo kép: mỗi quan hệ liên minh của Mỹ với Nhật Bản không còn là sự bảo đảm cho Trung Quốc, mà trở thành gọng kìm phong tỏa nước này. Và chúng ta cũng có thể thấy sự bắt đầu hình thành một hệ thống cân bằng quyền lực để thay thế nó khi hai cường quốc hùng mạnh nhất của khu vực xây dựng các mối liên minh nhằm cân bằng lẫn nhau, và một mối quan hệ đối kháng về mặt cấu trúc giữa hai nước bắt đầu nổi lên.

Điều này mang lại rủi ro vô cùng lớn cho hòa bình và thịnh vượng trong tương lai của Châu Á. Việc hình thành hệ thống cân bằng quyền lực đe dọa sự hội nhập kinh tế vốn đã tiếp sức cho phát triển của Châu Á trong suốt 3 thập niên qua. Nếu cạnh tranh chiến lược giữa Mỹ và Trung Quốc tăng lên, sẽ rất khó để duy trì dòng chảy thương mại, đầu tư, ý tưởng và nguồn nhân lực vốn đã làm giàu cho cả hai quốc gia này. Hơn thế nữa, sự xuất hiện của mối quan hệ đối kháng sẽ làm tăng nguy cơ xảy ra xung đột và khiến cho những cuộc xung đột một khi đã xảy ra thì khó có thể ngăn chặn. Đối với các quốc gia còn lại của Châu Á, có khả năng trong tương lai các quốc gia này sẽ bị ép phải lựa chọn giữa Mỹ và Trung Quốc. Đây là một lựa chọn ai cũng muốn tránh vì nó khiến cho Châu Á trở nên nghèo và kém an toàn hơn.

Tất cả những điều này cho thấy Châu Á không nên trì hoãn quá lâu trước khi vào cuộc xây dựng nhanh chóng “thế kỷ Châu Á”. Thiên hướng về một hệ thống cân bằng quyền lực ở Châu Á càng rõ ràng thì càng khó bị đảo ngược để tiến tới một hướng đi tốt đẹp hơn. Trên cơ sở những gì Châu Âu đã trải qua, một hệ thống “hòa hợp quyền lực” dường như là phương án lựa chọn có nhiều hứa hẹn nhất.⁹ Thật đáng tiếc, các cường quốc ở Đông Á khó có thể đi theo mô hình này. Nó yêu cầu Mỹ từ bỏ vị thế bá chủ của mình, nhưng vẫn duy trì cam kết với Châu Á để cân bằng Trung Quốc mà không cần đối đầu với quốc gia này. Điều này có nghĩa là phải thừa nhận và tôn trọng tính chính danh của các thể chế chính trị nội bộ và lợi ích quốc tế của Trung Quốc, ngay cả khi các lợi ích này mâu thuẫn với các lợi ích của Mỹ, miễn là chúng không vi phạm các chuẩn tắc cơ bản của hành vi quốc tế mà tất cả các quốc gia đã thỏa thuận (nói chung là những chuẩn tắc đã được ghi trong Hiến chương Liên Hợp Quốc).

Xây dựng một trật tự Châu Á mới theo mô hình hòa hợp quyền lực đặt ra những yêu cầu lớn với Trung Quốc. Nó đòi hỏi Bắc Kinh từ bỏ khát vọng về vị thế bá chủ trong khu vực và tự bằng lòng chấp nhận việc Mỹ đóng một vai trò cốt yếu trong bối cảnh chiến lược Châu Á. Thậm chí khó khăn hơn, Trung Quốc sẽ phải chấp nhận Nhật Bản như là một cường quốc chính của Châu Á và có lẽ là một chủ thể chiến lược độc lập chủ chốt. Bản thân Nhật Bản cũng cần phải tự thay đổi để có thể hoàn thành vai trò đó một cách đáng tin cậy.

Không có lựa chọn nào dễ dàng

Mỗi một cường quốc ở Đông Á sẽ cần tạo ra những thay đổi lớn về tư thế chiến lược nếu muốn kiềm chế và giảm thiểu đến mức tối đa sự cạnh tranh chiến lược đang leo thang. Thế giới đang đối mặt với khả năng những thay đổi này sẽ không diễn ra và cạnh tranh chiến lược lại tiếp tục tăng cao làm tăng nguy cơ xảy ra xung đột lớn. Chúng ta có thể thấy nguy cơ đó nghiêm trọng tới đâu khi xem xét chi tiết những lựa chọn khó khăn mà 3 cường quốc chủ chốt phải đưa ra nếu muốn đảo ngược các xu hướng chiến lược hiện tại.

Washington phải cân nhắc một số những chọn lựa thuộc dạng khó khăn nhất. Tư duy chiến lược của Mỹ cho rằng mục tiêu chính sách cốt lõi của Mỹ chính là bảo vệ vị thế bá chủ. Giả định này cần được kiểm định cẩn trọng. Liệu vị thế bá chủ có là cái đích cuối cùng hay chỉ là phương tiện để đạt được một mục đích khác? Khi Nixon đến Trung Quốc, ông không tìm kiếm vị thế bá chủ của Mỹ, tuy nhiên ngày nay nhiều người Mỹ đã quen với ý niệm đó. Trong 4 thập niên, vai trò lãnh đạo của Mỹ đã được coi là điều kiện cần và đủ cho hòa bình ở Châu Á. Có thể điều này hoàn toàn đúng trong quá khứ, nhưng ngày nay Mỹ phải tự hỏi rằng liệu nó có sẵn sàng đánh đổi hòa bình để bảo vệ vị thế của mình, hay sẵn lòng hy sinh vị thế để bảo vệ hòa bình. Liệu Mỹ có thể bỏ qua chủ nghĩa biệt lệ và cam kết thực hiện ảnh hưởng của mình thông qua hệ thống các mối quan hệ với các cường quốc Châu Á với tư cách là các cường quốc ngang hàng với mình? Các nhân vật có ảnh hưởng của Mỹ đã thúc đẩy lựa chọn này, ủng hộ một vai trò “cân bằng từ xa”, nhưng đối với nhiều người, lựa chọn này thách thức niềm tin lâu nay về vị thế nước Mỹ và phương thức hoạt động của nó trên thế giới.

Ngày nay, các cuộc tranh luận về chính sách của Mỹ dường như trốn tránh những lựa chọn này, bất chấp các văn liệu ngày càng nhiều về bản chất cấp bách mà mỗi thách thức Trung Quốc đang đặt ra. Mỗi bận tâm của Mỹ về khu vực Trung Đông là một điều dễ hiểu, nhưng người ta vẫn băn khoăn không biết đến khi nào Mỹ thôi quả quyết rằng thách thức lớn nhất đối với vai trò toàn cầu của Mỹ là chủ nghĩa khủng bố Hồi Giáo, dù mỗi đe dọa đó có thực sự nghiêm trọng tới đâu. Nhiều người Mỹ hoài nghi cho rằng những người đặt ra câu hỏi về sự trường tồn của vai trò bá chủ của Mỹ ở Châu Á là những kẻ bài Mỹ và bị kích động bởi sự chống đối chính sách của Mỹ trong cuộc “chiến tranh chống khủng bố”. Điều này cũng rất dễ hiểu nhưng là một sai lầm. Nhiều người trong cộng đồng làm chính sách Mỹ đã

đánh giá thấp những thách thức mà sự phát triển của Trung Quốc đặt ra đối với vị thế của Mỹ ở Châu Á. Họ chỉ ra một cách đúng đắn rằng Trung Quốc vẫn còn yếu hơn so với Mỹ ở nhiều phương diện quyền lực, nhưng họ đã sai lầm trong việc kết luận rằng Trung Quốc chỉ có thể gây khó dễ cho vị thế quyền lực của Mỹ khi sức mạnh hai nước ngang bằng nhau. Sự thật không phải như vậy, Trung Quốc chỉ cần có khả năng áp đặt chi phí và rủi ro lên Mỹ, khiến nước này phải hạn chế rõ ràng các lựa chọn chính sách của mình trong các vấn đề quan trọng. Và thực tế Trung Quốc đã có khả năng đó trong nhiều lĩnh vực.

Một số người Mỹ tranh luận rằng thách thức mà Trung Quốc tạo ra đã bị phóng đại lên bởi vì trái ngược với sự suy tàn của Đế quốc Anh một thế kỷ trước, nước Mỹ ngày nay vẫn còn hùng mạnh.¹⁰ Họ có lý khi cho rằng thách thức Trung Quốc đặt ra không đến từ sự suy yếu của Mỹ mà đến từ chính sức mạnh của Trung Quốc. Nhưng vấn đề không phải Mỹ vẫn còn mạnh đến đâu mà là sức mạnh của Trung Quốc đã tiệm cận Mỹ đến mức nào. Rất nhiều nhà quan sát Mỹ đưa ra lưu ý chính xác rằng tăng trưởng của Trung Quốc có khả năng không thể duy trì lâu dài; hành trình kinh tế Trung Quốc có thể chậm lại hoặc bị đảo lộn bởi một số lý do nào đó, nhưng công bằng mà nói, điều đó cũng có thể không xảy ra. Trong vòng 30 năm, chính phủ Trung Quốc đã đánh bại các kì vọng và đã làm tất cả những điều cần thiết để duy trì tăng trưởng ở mức cao. Thật thiếu sáng suốt nếu nhận định rằng họ sẽ không thể tiếp tục làm được như vậy trong 30 năm nữa.

Vẫn có những tranh luận rằng nếu Trung Quốc tiếp tục tăng trưởng, chắc chắn nó sẽ phải thay đổi để trở nên giống với Mỹ hơn, do đó sẽ nhún mình chấp nhận và thậm chí chào đón vai trò bá chủ của Mỹ. Lập luận này thể hiện sự mơ tưởng về hai mặt. Thứ nhất, điều này cho rằng Trung Quốc chỉ có thể duy trì được tăng trưởng khi lựa chọn hệ thống chính trị cạnh tranh và dân chủ hơn. Điều này có thể đúng, nhưng nếu đặt cược vào nó thì thật thiếu khôn ngoan. Chúng ta không thể loại trừ khả năng Trung Quốc đang phát triển mô hình xã hội thành công của riêng mình khác xa so với mô hình của Mỹ. Thứ hai, nó cũng cho rằng một Trung Quốc dân chủ hơn sẽ ít dân tộc chủ nghĩa hơn và do đó sẵn sàng nhường vị thế bá chủ cho Mỹ hơn so với một chế độ chuyên chế. Đây cũng là một giả định liều lĩnh.

Đằng sau những quan điểm và thái độ này tồn tại một phép so sánh giữa Trung Quốc và Liên Xô. Nhiều người Mỹ nghĩ nếu họ đã làm Xô Viết thất bại được thì họ cũng có làm được như vậy với người Trung Quốc. Thật không may, phép ẩn dụ này quả thực sai lầm. Trung Quốc khác xa với Liên Xô về nhiều mặt, trên hết là động lực kinh tế và sự hội nhập với nền kinh tế toàn cầu. Trung Quốc đã tự vận động để xây dựng vai trò kinh tế không thể thiếu của mình đối với Mỹ trước khi để lộ những thách thức liên quan đến vị thế bá chủ của Mỹ. Trong suốt một thời gian dài, người Mỹ tin rằng họ có thể giải quyết sớm tất cả những thách thức từ phía Trung Quốc bằng cách điều khiển quyền tiếp cận của Trung Quốc đối với các thể chế và thị trường quốc tế vốn có vai trò quan trọng đối với tăng trưởng của quốc gia này, nhưng bây giờ đã quá muộn để làm việc đó. Ngày nay, Mỹ không có bất cứ lựa chọn nào khác ngoài việc tiếp tục hợp tác ngoại thương và đầu tư với Trung Quốc, và do đó, hỗ

trợ cho tăng trưởng của một nền kinh tế vốn đang gây ra thách thức lớn nhất cho vai trò toàn cầu của Mỹ.¹¹

Chính sách của Mỹ đối với Trung Quốc lãng tránh câu hỏi Mỹ nên phản ứng như thế nào với sự vươn lên của Trung Quốc. Các nhà hoạch định chính sách có xu hướng nhắc đi nhắc lại cụm từ “cổ đông có trách nhiệm” [responsible stakeholder]. Được đưa ra lần đầu tiên bởi cựu Thứ trưởng Ngoại giao Robert Zoellick, cụm từ này được dùng để mô tả vai trò mà Mỹ tin Trung Quốc nên thực hiện khi trở nên mạnh hơn.¹² Nó được tán dương khi thể hiện được chính sách vừa thực tế, vừa có tầm nhìn xa, phản ánh sự cần thiết phải phản ứng tích cực với sự trỗi dậy của sức mạnh Trung Quốc, nhưng không có hàm ý thừa nhận vị thế Trung Quốc cho phép nó có một vị trí lãnh đạo, đặc biệt là ở Châu Á. Cụm từ này có thể sử dụng tương tự cho bất cứ quốc gia nào trong hệ thống quốc tế. Australia là một “cổ đông có trách nhiệm”, và Tonga cũng vậy.

Yếu tố cốt lõi tiếp theo trong đối sách của Mỹ với Trung Quốc là “chính sách phòng bị nước đôi” [hedging]:¹ quan điểm rằng Mỹ nên vừa can dự với hy vọng rằng Trung Quốc sẽ cư xử như là một thành viên có trách nhiệm trong cộng đồng quốc tế, đồng thời có những hành động để sẵn sàng chống lại Trung Quốc nếu nước này bắt đầu có những ứng xử vô trách nhiệm.¹³ Ở bề ngoài, chính sách phòng bị nước đôi này hoàn toàn hợp lý, nhưng mọi việc còn phụ thuộc vào loại hành vi nào có thể khiến việc can dự được chuyển thành đối kháng. Liệu những hành vi không thể chấp nhận chỉ là những hành vi quốc tế đi ngược lại Hiến chương Liên Hợp Quốc, hay cần đề ra những tiêu chuẩn chặt chẽ hơn? Hiện nay, Mỹ dường như sẵn sàng chuyển từ can dự sang ngăn chặn nếu Trung Quốc theo đuổi các chính sách thách thức vị trí bá chủ của Mỹ ở Châu Á. Và nếu như vậy, chính sách này đã lãng tránh câu hỏi cốt yếu là liệu bảo vệ vị thế bá chủ của Mỹ có là một cách khả dĩ để duy trì hòa bình, ổn định và đạt được những mục tiêu dài hạn của Mỹ ở Châu Á hay không.

Thuyết phục chính phủ Mỹ loại bỏ những chính sách này để thực hiện các chính sách rõ ràng hơn là điều rất khó khăn khi các chính sách này đang nhận nhiều sự ủng hộ của lưỡng đảng. Trong chiến dịch tranh cử Tổng thống Mỹ năm 2008, không một ứng cử viên nào thực hiện một nỗ lực nghiêm túc để giải quyết thách thức đặt ra bởi sự trỗi dậy của Trung Quốc. Có lẽ chỉ khi nào một cuộc khủng hoảng trong mối quan hệ xuyên Thái Bình Dương xảy ra khiến việc xử lý các thách thức trên trở nên bắt buộc thì vấn đề này mới được bổ sung vào chương trình nghị sự. Lúc đó thì đã quá muộn để tổ chức một cuộc bàn luận thấu đáo về sự cân bằng giữa các lợi ích, mục tiêu và quyền lực của Mỹ.

¹ *Hedging* là một chiến lược trong đó một quốc gia theo đuổi đồng thời nhiều chính sách khác nhau, đôi khi mâu thuẫn trái ngược nhau, với một quốc gia khác, nhằm tránh tình trạng phải lựa chọn chiến lược theo một chiều hướng duy nhất. Chiến lược *hedging* được lựa chọn do sự không chắc chắn đối với tương lai, khi người ta không biết được cách ứng xử của quốc gia kia trong tương lai sẽ như thế nào. Ví dụ, chiến lược *hedging* có thể bao gồm đồng thời các yếu tố như vừa cạnh tranh vừa hợp tác, vừa thỏa hiệp vừa ngăn chặn, răn đe..., để vừa tận dụng được các lợi ích mà mối quan hệ hợp tác mang lại, vừa đề phòng cho những rủi ro chiến lược trong tương lai xuất phát từ quốc gia đối tác (chú thích của người hiệu đính).

Cũng giống với Mỹ, Trung Quốc phải đối mặt với những thử thách trong việc điều chỉnh khát vọng về vai trò của mình ở Châu Á trong tương lai tương ứng với yêu cầu duy trì một trật tự thế giới ổn định. Rõ ràng là Trung Quốc muốn duy trì ổn định ở Châu Á, và vì lý do đó, Trung Quốc là một cường quốc nguyên trạng có khát vọng giữ vững trật tự mà nhờ đó nó đã phát triển thịnh vượng trong hơn 3 thập niên qua. Nhưng Trung Quốc cũng muốn một quyền lực tối đa trong trật tự đó, và quan điểm của nước này về những yếu tố cần thiết để duy trì trật tự đó không hề giống với quan điểm của Mỹ. Washington coi vai trò lãnh đạo của Mỹ là thiết yếu đối với ổn định ở Châu Á, trong khi Trung Quốc coi nó là ngẫu nhiên và không cần thiết. Không chỉ người ngoài cuộc, dường như chính những nhà lãnh đạo của Trung Quốc cũng không rõ họ muốn một quyền lực lớn cỡ nào trong trật tự mới của Châu Á. Lòng kiên nhẫn của các nhà lãnh đạo Trung Quốc nhằm đạt được các mục tiêu thể hiện trong câu nói nổi tiếng của Đặng Tiểu Bình “chờ đợi đúng đầu” khiến việc đánh giá các dự tính của họ trở nên khó khăn hơn. Không có căn cứ nào để kết luận Trung Quốc có tham vọng bá quyền toàn diện với bộ đội là lực lượng vũ trang giống như quyền lực mà Stalin đã áp đặt lên Đông Âu. Nhưng có lẽ tương đối chắc chắn rằng các nhà lãnh đạo Trung Quốc muốn đạt được địa vị bá quyền ở Tây Thái Bình Dương giống như địa vị lâu nay của Hoa Kỳ ở Châu Mỹ. Và sẽ thật ngạc nhiên nếu người Trung Quốc với thứ chủ nghĩa dân tộc được thúc đẩy bởi sức mạnh kinh tế lại chấp nhận địa vị thấp kém hơn như vậy.

Tuy nhiên, những tham vọng này lại bị hạn chế bởi một thực tế là Trung Quốc hiện tại và trong tương lai gần sẽ không được thừa hưởng vai trò thống trị kinh tế ở Châu Á giống như Hoa Kỳ đã có ở Châu Mỹ, vốn là nền tảng của Học thuyết Monroe. Trung Quốc sẽ có đủ sức mạnh để cạnh tranh vị thế bá quyền của Mỹ ở Châu Á trong các thập niên tiếp theo, nhưng sẽ không đủ mạnh để có thể thay thế hoàn toàn vị trí đó. Đối thủ của Trung Quốc không chỉ có Mỹ mà còn có cả Nhật Bản. Ở Bắc Kinh, người ta có thể hy vọng khi sức mạnh yếu đi, Mỹ sẽ rút khỏi Châu Á và để lại ngôi vị cho Trung Quốc. Tuy nhiên họ phải thừa nhận rằng Nhật Bản không có một lựa chọn như vậy, sẽ không có chuyện Tokyo sẽ chấp nhận vai trò bá quyền của Trung Quốc khi mà nền kinh tế của Nhật Bản vẫn đang ngang hàng với kinh tế Trung Quốc, ít nhất là trong nhiều thập niên tới. Đối diện với sức mạnh của Nhật Bản, tốt hơn hết Trung Quốc nên hỗ trợ thành lập một trật tự mới theo mô hình hòa hợp quyền lực ở Châu Âu mà trong đó ảnh hưởng của Trung Quốc có thể được tối đa hóa và chi phí cũng như rủi ro của cạnh tranh chiến lược với Nhật Bản sẽ ở mức tối thiểu. Tuy nhiên, có hai tác động không mong muốn tới Trung Quốc. Thứ nhất, Trung Quốc phải từ bỏ hy vọng về một thứ bá quyền mềm “kiểu Monroe” ở Tây Thái Bình Dương và chấp nhận sự can dự chiến lược mạnh mẽ và lâu dài của Mỹ. Thứ hai, Trung Quốc phải thừa nhận Nhật Bản là một cường quốc chính đáng ngang hàng với Trung Quốc. Các nhà lãnh đạo Trung Quốc sẽ khó chấp nhận những điều này và càng khó để thuyết phục người dân của mình chấp nhận lựa chọn đó. Nhưng nếu họ không chấp nhận, Nhật Bản sẽ khó có thể tìm được một vị thế ổn định và lâu dài trong một trật tự Châu Á mới, và khi đó trật tự ấy cũng khó có thể được duy trì một cách ổn định và hòa bình.

Vấn đề xung quanh vị thế Nhật Bản chính là điểm mấu chốt của trật tự Châu Á trong tương lai. Khi Trung Quốc mạnh lên, Nhật Bản tự cảm thấy mình đang ở vào một vị thế khó xử: An ninh Nhật Bản phụ thuộc vào sự nguội lạnh trong quan hệ giữa hai đối tác thương mại lớn của nó (tức Trung Quốc và Mỹ), trong khi sự thịnh vượng lại phụ thuộc vào việc hai nước này xây dựng và duy trì được mối quan hệ hiệu quả, ổn định và gắn kết. Nếu Nhật Bản tiếp tục dựa vào Mỹ để bảo vệ mình trước Trung Quốc, Nhật Bản sẽ nhận thấy an ninh của mình bị đe dọa bởi những tiến triển trong quan hệ Trung-Mỹ; nhưng nếu không có mối quan hệ tốt đẹp giữa Trung Quốc và Mỹ, an ninh của Nhật Bản cũng khó có thể được bảo đảm. Hệ quả là Nhật phải kết thúc sự phụ thuộc vào Mỹ để có an ninh trước Trung Quốc, để Nhật có thể không còn phải lo ngại về mối quan hệ ngày càng gắn kết giữa Trung Quốc và Mỹ. Nếu Nhật Bản tiếp tục là đồng minh phụ thuộc chiến lược của Mỹ, sẽ không thể nào xây dựng được một trật tự kiểu hòa hợp quyền lực ở Châu Á. Nhật Bản phải sẵn sàng vượt qua các dàn xếp được thiết lập từ sau Chiến tranh thế giới lần thứ hai và tự tạo cho mình một vai trò mang tính xây dựng, có trách nhiệm và bền vững trong vị thế là một cường quốc lớn trong khu vực Châu Á. Từ đó, Nhật sẽ tiến thêm một bước nữa: Mỹ, nếu chấp nhận Nhật Bản là một chủ thể chiến lược độc lập, sẽ từ bỏ vị thế bá chủ ở Châu Á mà nó đã có từ sau chiến tranh Việt Nam, bởi mối quan hệ liên minh với Nhật Bản chính là nền tảng của vị thế đó. Trung Quốc, thông qua việc thừa nhận Nhật Bản là một cường quốc trong khu vực Châu Á, cũng sẽ từ bỏ tham vọng với vị thế bá chủ của mình. Tuy nhiên với Nhật Bản, đây sẽ là một bước đi vô cùng khó khăn. Sau hai thập niên kinh tế trì trệ và chính trị bất ổn, người ta vẫn chưa tìm thấy một ban lãnh đạo nào có thể dẫn dắt Nhật Bản đi theo hướng này. Rủi ro chính là việc trong số những người Nhật ủng hộ nhiều nhất cho sự tái sinh quyền lực của Nhật Bản trong vai trò một cường quốc lại bao gồm cả những người muốn lạm dụng quyền lực đó một cách thiếu trách nhiệm.

* * *

Chiến tranh vẫn có thể xảy ra ở Châu Á vì trật tự quốc tế đã gìn giữ nền hòa bình trong suốt hơn 30 năm qua đang tồn tại dưới một sức ép. Nền tảng kinh tế của Châu Á hiện đại đang thay đổi, và các rào cản đối với việc xây dựng một trật tự mới có thể duy trì hòa bình trong tương lai lại vô cùng lớn. Với những khó khăn trở ngại này, một trật tự mới sẽ được gây dựng như thế nào? Hòa bình có được duy trì trong 30 năm tiếp theo và sau đó không? Ba vấn đề cần được giải quyết. Thứ nhất, các điểm nóng phải được quản lý cẩn trọng. Nếu Mỹ và Trung Quốc rơi vào một cuộc xung đột xung quanh vấn đề Đài Loan hoặc một vấn đề khu vực khác nào đó, họ sẽ không kịp xây dựng một trật tự khu vực có thể giữ được ổn định cho Châu Á. Thứ hai, Châu Á cần phát triển thói quen hợp tác cần thiết để duy trì một trật tự kiểu hòa hợp quyền lực ở Châu Á. Cuộc đàm phán 6 bên nhằm xử lý mối đe dọa hạt nhân của Triều Tiên là một mô hình tốt, nhưng người ta vẫn có thể làm được nhiều hơn nữa. Ví dụ, Mỹ và Trung Quốc nên đàm phán một thỏa thuận song phương về kiểm soát vũ khí hạt nhân để ngăn chặn việc cạnh tranh hạt nhân trở thành một phần cuộc cạnh tranh

chiến lược giữa hai nước.¹⁴ Thứ ba, dư luận và cộng đồng làm chính sách ở cả ba cường quốc trong khu vực Đông Á phải được giáo dục về các lực lượng định hình nên trật tự quốc tế ở Châu Á, về nguy cơ mắc phải sai lầm, và về các thỏa hiệp cần thiết để có thể có được những quyết định đúng đắn. Nhiệm vụ ở Châu Á là thừa nhận và hành động dựa trên sự hiểu biết sâu sắc rằng trong các vấn đề quốc tế, không vấn đề nào quan trọng bằng ngăn chặn một cuộc xâm lược toàn diện và giữ gìn hòa bình giữa các cường quốc với nhau.

Chú thích

1. Immanuel Kant, *To Perpetual Peace: A Philosophical Sketch* (New York: Hackett, 2003 [1792]).
2. Philip Bobbitt, *The Shield of Achilles: War, Peace, and the Course of History* (New York: Knopf, 2002). Đúng là từ sau Chiến tranh Lạnh, xung đột giữa các quốc gia dường như đã giảm xuống trong các đánh giá về các mối đe dọa toàn cầu, và bị thay thế bởi một loạt các mối đe dọa phi nhà nước, như chủ nghĩa khủng bố.
3. Mục tiêu này đã được đề ra bởi những con người hoàn toàn khác nhau như George Kennan (George F. Kennan, *American Diplomacy: 1900–1950* (Chicago, IL: University of Chicago Press, 1951), p.10) và Paul Wolfowitz (trong tài liệu Hướng dẫn Lập kế hoạch Quốc phòng năm 1992: xem James Mann, *Rise of the Vulcans* (New York: Penguin, 2004), pp. 209–10).
4. Các quan điểm này được lập luận một cách thuyết phục bởi nhiều học giả nổi tiếng tại Viện Nghiên cứu Chiến lược (ISS), bao gồm Coral Bell, Alastair Buchan và Hedley Bull, người trong một loạt bài Adelphi Papers đã tìm hiểu sự tiến hóa và tác động của trật tự mới của Châu Á. Những bài viết đó bây giờ đáng được đọc kỹ lại: các tác giả không nhìn thấy trước được sự đảm bảo kép của Mỹ đối với cả Nhật và Trung Quốc sẽ củng cố vị thế bá chủ của Mỹ ở Châu Á như thế nào, và họ có lẽ đánh giá quá cao ảnh hưởng chiến lược mà những nước như Trung Quốc có thể có mà không cần gia tăng sức mạnh kinh tế một cách đáng kể. Nhưng họ lại nói nhiều về các động lực sâu xa hơn của sự tiến hóa chiến lược ở Châu Á và nhiều điều mà họ dự đoán giờ có thể đang trở thành sự thật. Ví dụ, xem Coral Bell, *The Asian Balance of Power: A Comparison with European Precedents*, Adelphi Paper 44 (London: Institute for Strategic Studies, February 1968), in lại trong *The Evolution of Strategic Thought: Classic Adelphi Papers* (Abingdon: Routledge for the IISS, 2008), pp. 195–213; Alastair Buchan, *War in Modern Society* (London: Collins, 1966); và Hedley Bull, 'Australia and the Great Powers in Asia', trong Greenwood and Harper (eds), *Australia and World Affairs 1966–1970* (Melbourne: Cheshire/ AIIA, 1974). Các tài liệu Adelphi Papers khác thời gian đó cũng đưa ra các quan điểm của Mỹ và Nhật.
5. John J. Mearsheimer, *The Tragedy of Great Power Politics* (New York: Norton, 2001).
6. Đây là điều mà Coral Bell đã lập luận trong tài liệu *Living with Giants: Finding Australia's Place in a More Complex World* (Canberra: Australian Strategic Policy Institute, 2005).

7. Aaron L. Friedberg, 'Will Europe's Past be Asia's Future?', *Survival*, vol. 42, no. 3, Autumn 2000, pp. 147–60.
8. Quan điểm rằng các hệ thống cân bằng quyền lực không phải được thiết kế để ngăn ngừa chiến tranh mà để ngăn chặn bá quyền được trình bày một cách thuyết phục bởi Hedley Bull như sau: “Chức năng chính của cân bằng quyền lực trong xã hội quốc tế không phải là bảo vệ hòa bình, mà là bảo vệ sự độc lập của các quốc gia chủ quyền khỏi mối đe dọa bị áp đảo”. *The Control of the Arms Race* (London and New York: Frederick A. Praeger for the Institute for Strategic Studies, 1961), p. 39.
9. Evelyn Goh, 'The US–China Relationship and Asia-Pacific Security: Negotiating Change', *Asian Security*, vol. 1, no. 3, December 2005, pp. 216–44; Amitav Acharya, 'A Concert of Asia?', *Survival*, vol. 41, no. 3, Autumn 1999, pp. 84–101.
10. Để biết một ví dụ gần đây, xem Fareed Zakaria, 'Is America in Decline?', *Foreign Affairs*, vol. 87, no. 3, May–June 2008, pp. 18–43.
11. Lập luận này, cùng những lập luận khác trong phần này, được phát triển thêm trong bài 'In Support of Accommodation: An Australian View of US Policy Toward China' trong Jonathan D. Pollack (ed.), *Asia Eyes America: Regional Perspectives on U.S. Asia-Pacific Strategy in the Twenty-first Century* (Newport, RI: Naval War College Press, 2007), pp. 153–67.
12. Robert B. Zoellick, 'Whither China: From Membership to Responsibility', *Remarks to National Committee on US–China Relations*, New York, 21 September 2005, <http://www.state.gov/s/d/former/zoellick/rem/53682.htm>.
13. Ví dụ, xem Evan S. Medeiros, 'Strategic Hedging and the Future of Asia-Pacific Security', *Washington Quarterly*, vol. 29, no. 1, pp. 145–67, http://www.twq.com/06winter/docs/06winter_medeiros.pdf.
14. Ý tưởng này được phát triển thêm trong bài 'Stopping a Nuclear Arms Race between the US and China', *Lowy Institute Policy Brief*, Lowy Institute for International Policy, Sydney, August 2007, <http://www.lowyinstitute.org/Publication.asp?pid=654>. Các ý tưởng tương tự đã được phát triển bởi TS. Brad Roberts tại Viện Phân tích Quốc phòng (IDA).

GIỚI THIỆU DỰ ÁN NGHIENCUUQUOCTE.NET

Mục đích

Nghiencuuquocte.net là một dự án phi chính trị, phi lợi nhuận nhằm mục đích phát triển nguồn học liệu chuyên ngành nghiên cứu quốc tế bằng tiếng Việt và thúc đẩy việc học tập, nghiên cứu các vấn đề quốc tế tại Việt Nam.

Lý do ra đời

Trong khi số người học tập và nghiên cứu về các vấn đề quốc tế ở Việt Nam ngày càng gia tăng thì việc tiếp cận các tài liệu mang tính học thuật của thế giới về lĩnh vực này còn rất hạn chế vì hai lý do: Thứ nhất, các tài liệu này thường phải trả phí mới tiếp cận được, trong khi các trường đại học và viện nghiên cứu của Việt Nam hầu như không có chi phí trang trải. Thứ hai, các tài liệu này chủ yếu được xuất bản bằng tiếng Anh, khiến nhiều sinh viên, nhà nghiên cứu, và đặc biệt là quang đại độc giả quan tâm đến các vấn đề quốc tế nói chung, gặp khó khăn trong việc tiếp thu, lĩnh hội. *Nghiencuuquocte.net* ra đời với hi vọng sẽ góp phần khắc phục được các vấn đề trên.

Hoạt động chính

Hoạt động chính của *Nghiencuuquocte.net* là biên dịch sang tiếng Việt và xuất bản trên website của mình các nguồn tài liệu mang tính học thuật bằng tiếng Anh về lĩnh vực quan hệ quốc tế, bao gồm chính trị quốc tế, kinh tế quốc tế, và luật pháp quốc tế.

Các tài liệu này chủ yếu là các bài báo trên các tạp san quốc tế, các chương sách, hoặc các tài liệu tương ứng, đã được xuất bản bởi các nhà xuất bản, các trường đại học và viện nghiên cứu có uy tín trên thế giới.

Dự án ưu tiên biên dịch và xuất bản:

- Các bài viết mang tính nền tảng đối với lĩnh vực nghiên cứu quốc tế;
- Các bài viết có nhiều ảnh hưởng trong lĩnh vực này;
- Các bài viết liên quan trực tiếp hoặc có ảnh hưởng, hàm ý gián tiếp đến Việt Nam;
- Các bài viết được đồng đạo độc giả quan tâm.

Sau khi dự án hoạt động ổn định, số lượng các bài dịch có chất lượng tăng lên, *Nghiencuuquocte.net* có thể tính tới việc hợp tác với các đối tác để biên soạn các tuyển tập bài dịch theo từng chủ đề nhất định và phát hành dưới dạng sách in hoặc ebook.

Quy trình biên dịch và xuất bản

Ban biên tập chịu trách nhiệm tuyển lựa (và xin phép các nhà xuất bản nếu cần) các bài viết để giao cho các cộng tác viên dịch. Các cộng tác viên cũng có thể chủ động đề xuất lên Ban Biên tập các bài viết mà mình muốn dịch. Sau khi có sự đồng ý của Ban Biên tập, cộng tác viên sẽ tiến hành biên dịch.

Các cộng tác viên hoặc các cá nhân khác nếu đã dịch sẵn một bài viết/ chương sách nào đó cũng có thể gửi đến Ban Biên tập (kèm bản gốc tiếng Anh) để xem xét. Nếu đề tài phù hợp và chất lượng đạt yêu cầu, bài viết có thể được hiệu đính và xuất bản.

Sau khi nhận được bản dịch, Ban Biên tập sẽ kiểm tra bước đầu chất lượng bài dịch. Nếu chất lượng không đạt (ví dụ sai quá nhiều, khó có thể hiệu đính, biên tập được một cách hiệu quả) thì bài dịch sẽ bị từ chối và trả lại người dịch. Trong trường hợp chất lượng thỏa đáng, bài dịch sẽ được chuyển tới các cộng tác viên phù hợp để kiểm định và hiệu đính. Sau khi hiệu đính, Tổng Biên tập sẽ kiểm tra lại lần cuối. Nếu đạt yêu cầu, bài dịch sẽ được xuất bản trên website dự án.

Tổng Biên tập là người quyết định cuối cùng về việc lựa chọn bài dịch, người dịch, người hiệu đính, cũng như việc chuyển hiệu đính và xuất bản các bài viết.

Xuất bản các bài dịch đã được công bố

Ban biên tập hoan nghênh các cộng tác viên đóng góp các bài dịch đã được hiệu đính và xuất bản ở các nơi khác. Trong trường hợp hợp đó, các cộng tác viên đảm bảo việc công bố các bài dịch đó trên *Nghiencuuquocte.net* đã được cho phép bởi các bên liên quan.

Yêu cầu đối với bản dịch

Để được xem xét xuất bản, bản dịch phải đảm ứng các yêu cầu sau:

- Dịch sát và đầy đủ bài viết nguyên gốc. Trong trường hợp vì lý do đặc biệt mà cộng tác viên muốn bỏ một phần nào đó của bài viết gốc thì phải thông báo và được sự đồng ý của Ban Biên tập.
- Ngôn ngữ tiếng Việt trong sáng, dễ hiểu. Hạn chế tối đa lỗi chính tả.
- Trong trường hợp có các thuật ngữ, đoạn văn người dịch cảm thấy khó hiểu hoặc dịch chưa chuẩn, người dịch cần đánh dấu (highlight) các thuật ngữ, đoạn văn đó để tiện cho việc hiệu đính biên tập.

- Giữ toàn bộ nguồn tài liệu tham khảo như trong bản gốc (footnote, endnote, bibliography). Các footnote, endnote có chứa thông tin bổ sung cần được dịch. Tuy nhiên, để tiện cho việc truy nguồn tài liệu tham khảo của người đọc, người dịch giữ nguyên tiếng Anh (không dịch sang tiếng Việt) các nguồn tài liệu tham khảo của bài viết gốc.
- Bài dịch phải được đánh máy bằng font chữ Unicode, cỡ 12 pt, cách dòng 1,5, file MSWord 2003, 2007, 2010 (không gửi bản pdf).
- Bài dịch phải sử dụng Bìa bài dịch theo mẫu thống nhất. Download template bìa bài dịch tại đây: [Template Bìa bài dịch](#)
- Tên file: Tên người dịch + Tên bài viết gốc bằng tiếng Anh.
- Bài dịch sau khi hoàn thành gửi về địa chỉ: nghiencuuquocte@gmail.com.

Thời hạn hoàn thành bản dịch

Vì đây là một dự án dựa trên sự đóng góp tự nguyện, Ban Biên tập không yêu cầu thời hạn cụ thể đối với việc hoàn thành các bản dịch. Tuy nhiên, Ban Biên tập hi vọng sẽ nhận được bản dịch trong thời hạn 45 ngày kể từ ngày bản gốc được gửi cho người dịch. Thông thường các bản bài gốc tiếng Anh sẽ có độ dài từ 20-35 trang (bao gồm endnote, footnote, bibliography).

Cộng tác với *Ngheencuuquocte.net*

Do đây là một dự án phi lợi nhuận mới ở giai đoạn đầu và chưa có tài trợ nên chúng tôi kêu gọi sự tham gia tình nguyện của các cộng tác viên ở cả hai công đoạn biên dịch và hiệu đính. Nếu bạn quan tâm và muốn trở thành cộng tác viên của dự án, vui lòng điền vào mẫu đơn đăng ký tại: <http://ngheencuuquocte.net/dang-ky-cong-tac/>

Các cộng tác viên đăng ký, tùy vào quyết định của Ban Biên tập, có thể sẽ được đưa vào danh sách cộng tác viên luôn hoặc sẽ được gửi một đoạn trích từ một bài báo/chương sách (khoảng 1-2 trang) để dịch thử. Nếu đạt yêu cầu, chúng tôi sẽ đưa các bạn vào danh sách cộng tác viên và sẽ gửi bài cho các bạn biên dịch/ hiệu đính khi có bài phù hợp với chuyên môn của bạn hoặc theo đăng ký chủ động của bạn. Lưu ý: Việc bạn được gửi bài để dịch cũng như việc bạn nộp bài đã dịch không đảm bảo chắc chắn bài dịch của bạn sẽ được hiệu đính, biên tập và xuất bản.

Lợi ích của việc trở thành cộng tác viên của *Ngheencuuquocte.net*:

- Rèn luyện và nâng cao khả năng tiếng Anh, nhất là kỹ năng dịch thuật;
- Mở rộng hiểu biết về các lĩnh vực nghiên cứu quốc tế;
- Đóng góp vào sự phát triển của cộng đồng học tập và nghiên cứu quốc tế tại Việt Nam;
- Được cấp giấy chứng nhận cộng tác viên (có thể đưa vào hồ sơ xin học bổng, xin việc làm) nếu đóng góp từ 2 bài dịch trở lên.
- Được nhận thù lao trong trường hợp dự án xin được tài trợ hoạt động hoặc bài dịch được sử dụng trong các ấn phẩm phát hành có thu phí.

Bản quyền bài dịch

Bản quyền đối với bản dịch được xuất bản cùng được chia sẻ bởi người dịch, người hiệu đính (nếu phải hiệu đính) và trang *Ngheencuuquocte.net*. Trong trường hợp bản dịch phát sinh doanh thu (ví dụ được đưa vào các giáo trình, tập bài đọc, hoặc các ấn phẩm khác được phát hành có thu phí như sách in hoặc ebook), thì sau khi trừ các chi phí biên soạn, in ấn, phát hành, lợi nhuận thu được sẽ được chia theo tỉ lệ: Người dịch: 40% (hoặc 75% nếu không phải hiệu đính); Người hiệu đính: 35%, trang *Ngheencuuquocte.net*: 25%.

Trang *Ngheencuuquocte.net* chịu mọi phí tổn trong trường hợp phải trả phí cho nhà xuất bản để bài viết được phép dịch sang tiếng Việt.

Đăng tải, phát hành lại bài dịch từ *ngheencuuquocte.net*

Việc đăng tải lại trên các trang mạng các bài dịch đã công bố trên website dự án phải ghi rõ nguồn và dẫn link tới bài viết gốc trên *ngheencuuquocte.net*.

Trong trường hợp in ấn hoặc sử dụng các bài viết cho mục đích thương mại, các bên liên quan phải nhận được sự cho phép bằng văn bản của Ban Biên tập *ngheencuuquocte.net*.

Dù nỗ lực tối đa trong nguồn lực cho phép để đảm bảo chất lượng của các bài dịch, *ngheencuuquocte.net* không chịu trách nhiệm về độ tin cậy, chính xác của các bài dịch cũng như những hậu quả có thể phát sinh từ việc trích dẫn, sử dụng lại nội dung của các bài dịch đó dưới bất kỳ hình thức nào.

Miễn trừ trách nhiệm

Trong khi trân trọng sự đóng góp của các cộng tác viên, *Ngheencuuquocte.net* và Ban Biên tập không thể chịu bất cứ trách nhiệm nào đối với các tổn thất, thiệt hại về vật chất, tinh thần, thời gian, sức khỏe... có thể xảy ra đối với các cộng tác viên trong quá trình tiến hành cộng tác với dự án.

Liên lạc

Mọi trao đổi xin vui lòng gửi tới: Lê Hồng Hiệp Email: ngheencuuquocte@gmail.com.